

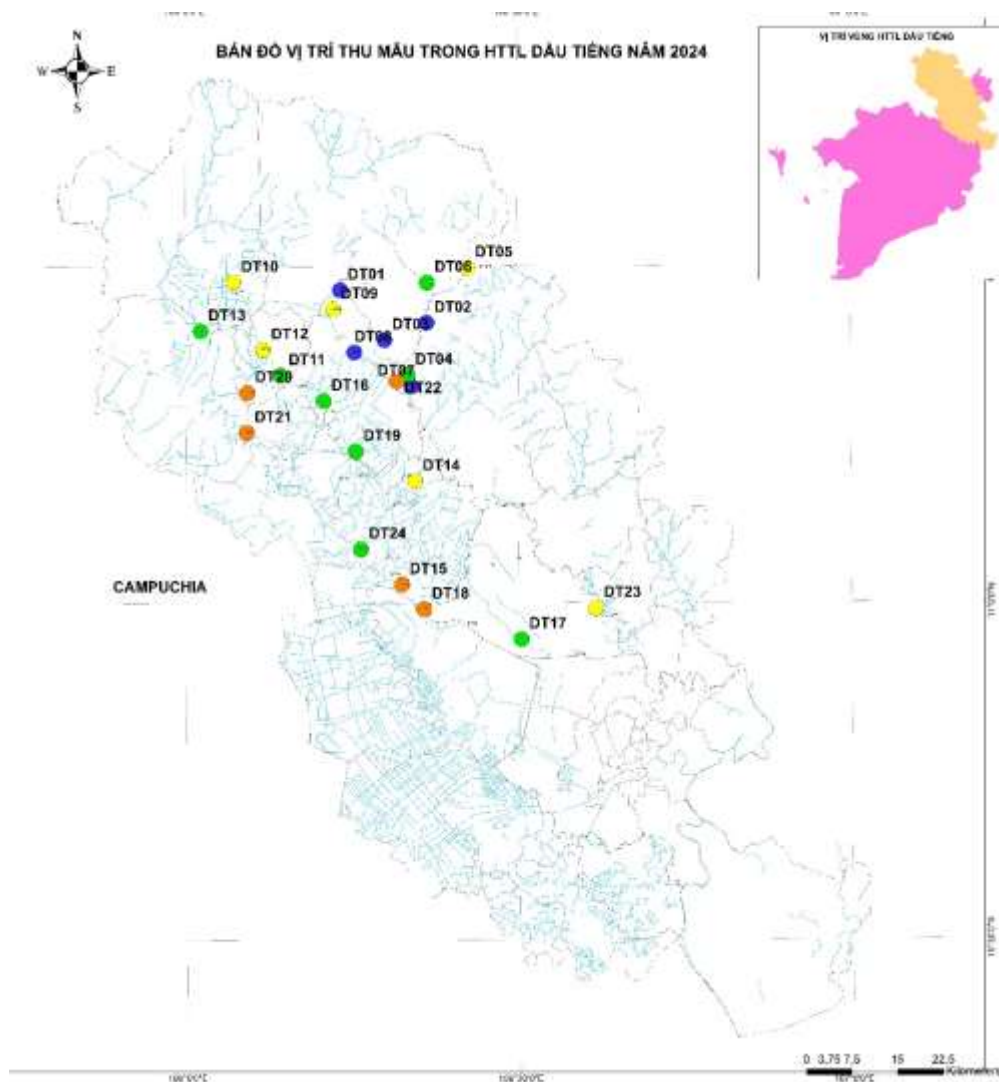
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 7

“Đợt đo ngày 09/4/2024 dự báo từ ngày 17÷23/4/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 09/4/2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 24 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước trong HTTL Dầu Tiếng 2024

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 24 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (ký hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
		-	‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 ^(*)	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B) ^(*)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 3, mức B) ^(*)	6-8,5		≤15	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
I	Khu vực công trình đầu mối														
1	Trong lòng hồ, kiểm soát CLN từ hồ chứa Tha La, các nhánh suối thuộc huyện Tân Châu về hồ. (DT1)	6.65	0	6.4	5.20	5.70	11.8	0.003	0.078	0.005	0.045	0.82	640	94	Theo WQI chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước. So với Bảng 3 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B), chỉ tiêu BOD5 vượt nhẹ tại 3 vị trí DT2-DT4
2	Trong lòng hồ, kiểm soát CLN từ suối thuộc tỉnh Bình Dương (DT2)	6.73	0	≤ 4	6.42	6.80	14.2	0.008	0.20	0.001	0.039	0.76	950	95	
3	Khu vực lòng hồ (DT3)	6.69	0	≤ 4	6.30	6.10	12.1	0.018	0.24	0.003	0.078	0.47	1700	96	
4	Trong lòng hồ trước công số 1 khoảng 4km (DT4)	6.46	0	≤ 4	5.95	6.84	14.3	0.010	0.26	0.006	0.052	0.93	2100	93	

5	Trong lòng hồ, kiểm soát CLN tại ngã ba suối Cây Đa (Bình Dương) và sông Sài Gòn (Bình Phước) (DT5)	6.77	0	5.9	6.02	4.80	9.2	0.025	0.088	0.003	0.028	0.07	720	98	
6	Trong lòng hồ, kiểm soát CLN từ lưu vực suối Ngõ, huyện Tân Châu, Tây Ninh (DT6)	7.09	0	≤ 4	6.37	5.10	10.3	0.023	0.096	0.001	0.019	0.68	520	99	
7	Sau cống số 1, đầu kênh chính Đông (DT7)	5.87	0	≤ 4	5.89	5.60	11.8	0.013	0.068	0.009	0.071	0.29	810	83	Theo WQI Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý) So với Bảng 2 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B, các chỉ tiêu đều nằm trong GHCP.
8	Sau cống số 2, đầu kênh chính Tây (DT8)	6.4	0	8.2	6.26	6.10	12.7	0.011	0.077	0.005	0.085	0.27	460	96	Theo WQI chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước.
9	Sau cống số 3, đầu kênh Tân Hưng, (DT9)	6.86	0	10.3	5.62	7.50	15.4	0.058	0.18	0.005	0.14	0.37	470	92	So với Bảng 2 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B), chỉ tiêu hữu cơ vượt nhẹ
II	Hệ thống kênh tưới														
10	Kênh Tân Hưng, cách đầu kênh tưới N5 khoảng 20m (DT10)	7.36	0	14.1	4.26	8.90	16.4	0.034	0.13	0.015	0.21	0.78	840	90	Theo WQI Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý) So với Bảng 2 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B), chỉ tiêu hữu cơ (DO, BOD5, COD)

	(cấp 2 kênh chính Tây), cách đầu kênh tưới khoảng 500m (DT16)																trung bình có thể sử dụng cho tưới tiêu, trồng trọt. So với QCVN 08:2023/BTNMT thì chỉ tiêu BOD, COD và Coliform vượt mức B – bảng 2.
17	Kênh chính Đông, kiểm soát CLN cho nước cho nhà máy nước kênh Đông, (DT17)	6.25	0	≤ 4	6.47	9.80	17.7	0.038	0.24	0.020	0.020	0.35	810	94			Theo WQI chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước. So với Bảng 2 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B), các chỉ tiêu hữu cơ vượt nhẹ
III	Hệ thống kênh tiêu																
18	Kênh Xáng (Kênh Thầy Cai) giáp Long An (Đức Huệ) và tp. HCM (Củ Chi) (DT18)	6.45	0	195.1	3.46	19.40	32.4	0.050	1.66	0.21	0.23	4.93	2900	64			Theo WQI CLN ở mức trung bình có thể sử dụng cho tưới tiêu, trồng trọt. So với QCVN 08:2023/BTNMT các chỉ tiêu như: TSS, dinh dưỡng, hữu cơ và Sắt tổng vượt mức B – bảng 2 Lưu ý: xử lý nitrit và tăng DO khi cấp nước nuôi trồng thủy sản
19	Kênh tiêu T12-T17 (K0+395), (DT19)	5.93	0	29.8	6.36	10.70	16.7	0.049	0.45	0.023	0.048	0.56	720	84			Theo WQI Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý) So với Bảng 2 QCVN 08:2023/ BTNMT (mức B), chỉ tiêu BOD5, COD vượt nhẹ

20	Rạch Tây Ninh trong thị xã, cách cầu khoảng 50m (DT20)	6.13	0	75.6	3.02	13.50	24.8	0.57	1.08	0.37	0.24	2.56	3100	57	<p>Theo WQI CLN ở mức trung bình có thể sử dụng cho tưới tiêu, trồng trọt (cần xử lý sắt tổng). Lưu ý: xử lý chất dinh dưỡng và tăng DO khi cấp nước nuôi trồng thủy sản</p> <p>So với QCVN 08:2023/BTNMT thì các chỉ tiêu TSS, dinh dưỡng, hữu cơ và Sắt tổng vượt mức B – bảng 2</p>
21	Rạch Tây Ninh, cách sông Vàm Cỏ khoảng 1000m (DT21)	6.25	0	89.8	2.94	19.80	35.4	0.30	1.36	0.25	0.20	3.12	9200	40	<p>Theo WQI CLN ở mức Xấu và hầu hết các chỉ tiêu đều vượt Quy chuẩn cho phép.</p> <p>Nguồn nước bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, sắt tổng, Coliform,</p> <p>Khuyến cáo không nên sử dụng nguồn nước này cấp cho SXNN</p>
22	Kênh tiêu sau đập phụ hồ chứa nước Dầu Tiếng, kiểm soát CLN thải hệ biến tinh bột sản của công ty TNHH Miwon Việt Nam (DT22)	5.78	0	125.4	2.02	24.50	40.7	1.69	4.20	0.026	0.31	1.88	33000	22	<p>Theo WQI CLN ở mức kém.</p> <p>Hầu như bị ô nhiễm bởi tất cả chỉ tiêu.</p> <p>Khuyến cáo: không nên sử dụng nguồn nước này cho các mục đích. Đây là kênh tiếp nhận nguồn nước thải từ công ty TNHH Miwon Việt Nam (chế biến tinh bột sản). Do đó cần</p>

																	xem xét yêu cầu chất lượng tiêu chuẩn đầu ra các chỉ tiêu được phê duyệt.
IV	Khu đẩy mặn trên sông																
23	Sông Sài Gòn, kiểm soát độ mặn và CLN cho trạm cấp nước Hòa Phú, (DT23)	6.15	0	87.5	5.55	11.90	21.7	0.020	0.79	0.048	0.20	2.33	5200	76	Theo WQI CLN tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý) So với QCVN 08:2023/BTNMT thì chỉ tiêu TSS, hữu cơ và Fe ^{TS} vượt (mức B – bảng 2). Khuyến cáo: khi lấy nước cho trồng trọt cần xử lý sắt tổng. Đối với trạm cấp nước Hòa Phú cần xử lý các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, TSS, ... trước khi cấp		
24	Sông Vàm Cỏ, kiểm soát độ mặn và CLN tại khu vực cầu Gò Dầu (DT24)	6.02	0	98.2	5.46	11.70	18.7	0.048	0.70	0.054	0.18	0.94	1700	75	Theo WQI CLN ở mức trung bình có thể sử dụng cho tưới tiêu, trồng trọt. So với QCVN 08:2023/BTNMT thì chỉ tiêu hữu cơ, DO, NO ₂ - và Fe ^{TS} vượt (mức B – bảng 2) Khuyến cáo: khi lấy nước cấp NTTS cần xử lý nitrit.		

Ghi chú:

- (*) Theo QCVN 08:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2, 3 thì giá trị trung bình số học của tối

thiếu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước.

- Viết tắt: CLN (chất lượng nước); NTTS (nuôi trồng thủy sản); SXNN (sản xuất nông nghiệp)
- Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước từ ngày 17÷23/4/2024

Dự báo cho 03 chỉ tiêu: DO, BOD₅, NH₄⁺ cho 22 vị trí từ DT1÷DT22

Dự báo 04 chỉ tiêu: DO, BOD₅, Độ mặn, NH₄⁺ cho 02 vị trí DT23÷DT24

Kết quả dự báo từ ngày 17÷23/4/2024 xem tại Bảng 2 đến Bảng 5.

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 17÷23/4/2024 ở mức 0‰, như vậy mặn chưa truyền tới trạm cấp nước Hòa Phú (sông Sài Gòn) và khu vực Gò Dầu (sông Vàm Cỏ Đông).

Người dân yên tâm lấy nước cho các mục đích (sinh hoạt, nông nghiệp, ...), đảm bảo lấy nước sinh hoạt cho nhà máy nước Hòa Phú trên sông Sài Gòn.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại 02 điểm giám sát từ 17÷23/4/2024, ‰

Kí hiệu	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	max	min
DT23	0	0	0	0	0	0	0	0	0
DT24	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰	>4‰						

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo dao động từ 1,81÷6,50 mgO₂/l, có sự phân bố rõ nét theo không gian, khu vực công trình đầu mối, hệ thống kênh tưới cơ bản đạt giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1; còn lại 02 vị trí DT21 (ràch Tây Ninh) và DT22 (kênh tiêu) thường xuyên có DO thấp không đạt cột B1. Trong đó, vị trí kênh tiêu sau đập phụ (DT22) là kênh tiếp nhận nước thải của công ty TNHH Miwon Việt Nam (DT22) nên không phải nguồn cung cấp nước cho HTTL. Theo đó người dân cần lưu ý cần theo dõi nguồn nước khi cung cấp cho nông nghiệp đặc biệt trong NTTS tại vị trí DT21.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 17÷23/4/2024, mgO₂/l

Kí hiệu mẫu	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	max	min
Khu công trình đầu mối									
DT1	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47	5.47
DT2	5.99	6.01	6.02	6.03	6.04	6.06	6.07	6.07	5.99
DT3	6.14	6.19	6.11	6.04	6.11	6.26	6.17	6.26	6.04
DT4	5.44	5.42	5.42	5.42	5.42	5.42	5.42	5.44	5.42
DT5	6.18	6.18	6.03	6.16	6.06	5.87	6.19	6.19	5.87
DT6	6.17	6.15	6.15	6.18	6.20	6.19	6.21	6.21	6.15
DT7	5.48	5.47	5.47	5.48	5.48	5.48	5.48	5.48	5.47
DT8	5.64	5.64	5.65	5.65	5.66	5.66	5.67	5.67	5.64
DT9	5.98	5.98	5.97	5.96	5.95	5.95	5.94	5.98	5.94
Hệ thống kênh tưới									
DT10	4.12	4.35	4.54	4.71	4.72	5.77	5.77	5.77	4.12
DT11	6.39	6.28	6.16	6.19	6.38	6.50	6.49	6.50	6.16
DT12	6.10	6.12	6.13	6.14	6.13	6.12	6.09	6.14	6.09
DT13	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	6.12	6.12	5.65
DT14	5.42	5.42	5.40	5.41	5.42	5.40	5.36	5.42	5.36
DT15	4.84	4.86	4.91	4.93	4.91	4.86	4.79	4.93	4.79
DT16	6.13	6.13	6.12	6.11	6.10	6.09	6.09	6.13	6.09
DT17	5.95	5.95	5.95	5.96	5.97	5.98	5.98	5.98	5.95
Hệ thống kênh tiêu									
DT18	5.14	5.12	5.09	5.05	5.04	5.06	5.09	5.14	5.04

DT19	5.59	5.60	5.62	5.63	5.64	5.65	5.66	5.66	5.59
DT20	4.11	4.11	4.15	4.18	4.18	4.16	4.14	4.18	4.11
DT21	3.63	3.62	3.60	3.55	3.51	3.53	3.57	3.63	3.51
DT22	2.13	2.48	2.83	2.30	1.81	1.97	3.20	3.20	1.81
Khu đẩy mặn trên sông									
DT23	4.29	4.07	4.29	5.27	5.45	4.84	4.75	5.45	4.07
DT24	4.56	4.69	4.91	5.05	5.12	5.15	5.12	5.15	4.56
QCVN 08 (Cột A1)	>=6								
QCVN 08 (Cột B1)	>=4								
Vượt cột B1	<4								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Giá trị dự báo BOD₅ dự báo dao động từ 4,66÷25,49mg/l có sự phân bố rõ nét theo không gian, khu vực công trình đầu mối, hệ thống kênh tưới nguồn nước khá tốt cơ bản đạt giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1; còn lại 4 vị trí DT15 (kênh Vàm Trắng), DT18 (kênh Xáng), DT21 rạch Tây Ninh và DT22 (kênh tiêu) vượt cột B1. Tương tự như giải thích tại mục 2.2 thì vị trí DT22 không phải là nguồn cung cấp nước tưới cho HTTL; theo đó cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước tại 3 vị trí còn lại DT15, DT18, DT21 vị trí này để cấp nước cho SXNN.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 17÷23/4/2024, mg/l

Kí hiệu mẫu	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	max	min
Khu công trình đầu mối									
DT1	6.01	6.01	6.01	6.01	6.01	6.01	6.00	6.01	6.00
DT2	6.01	6.03	6.04	6.04	6.01	5.99	5.98	6.04	5.98
DT3	5.99	6.00	6.00	6.01	6.02	6.03	6.03	6.03	5.99
DT4	6.96	7.06	7.04	6.97	6.89	6.81	6.74	7.06	6.74
DT5	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00
DT6	4.69	4.68	4.68	4.67	4.67	4.67	4.66	4.69	4.66
DT7	5.42	4.97	5.06	5.51	5.73	5.76	5.71	5.76	4.97
DT8	6.22	6.16	5.97	5.65	5.24	4.84	4.68	6.22	4.68
DT9	7.42	7.47	7.51	7.54	7.57	7.58	7.60	7.60	7.42
Hệ thống kênh tưới									
DT10	8.00	7.80	7.65	7.62	7.94	8.42	8.93	8.93	7.62
DT11	8.31	8.60	8.54	8.19	7.79	7.31	6.78	8.60	6.78
DT12	7.09	7.43	7.40	7.16	6.80	6.40	6.02	7.43	6.02
DT13	6.32	6.40	6.52	6.68	6.85	6.98	7.13	7.13	6.32
DT14	8.99	9.21	9.40	9.51	9.60	9.63	9.23	9.63	8.99
DT15	14.49	14.95	15.43	15.70	15.77	15.77	15.71	15.77	14.49
DT16	12.38	11.68	10.99	10.60	10.76	10.98	10.37	12.38	10.37
DT17	10.82	11.08	11.39	11.65	11.80	11.86	11.86	11.86	10.82
Hệ thống kênh tiêu									
DT18	22.48	24.73	25.49	21.44	17.92	15.79	15.15	25.49	15.15
DT19	9.43	9.38	9.34	9.31	9.28	9.26	9.24	9.43	9.24
DT20	13.34	12.56	12.72	12.81	13.04	13.55	13.59	13.59	12.56
DT21	16.09	16.68	17.26	16.12	18.22	19.92	21.27	21.27	16.09
DT22	24.96	22.57	20.38	18.38	16.64	15.13	14.05	24.96	14.05
Khu vực đẩy mặn trên sông									
DT23	11.35	10.71	10.04	10.00	10.38	10.80	10.95	11.35	10.00

DT24	11.52	11.11	11.29	11.49	11.85	12.94	14.57	14.57	11.11
QCVN 08 (Cột A1)	4								
QCVN 08 (Cột B1)	15								
Vượt cột B1	>15								

2.4. Amoni (NH_4^+)

Giá trị dự báo NH_4^+ dao động từ 0,035÷5,34 mg/l, có sự phân bố rõ nét theo không gian, khu vực công trình đầu mối, kênh tưới chất lượng nước khá tốt và cơ bản đạt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1; trong đó khu vực công trình đầu mối, các kênh chính đạt cột A1; còn lại 5 vị trí DT15 (kênh Vàm Trảng) và các vị trí trên hệ thống kênh tiêu DT18, DT20-22 thường xuyên vượt cột B1 – đây là khu vực chịu sự xả thải từ nhiều loại hình như sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp. Trong đó 2 vị trí DT20, DT22 là kênh tiêu tiếp nhận nguồn nước thải từ sinh hoạt (DT20) và từ TNHH Miwon Việt Nam (DT22) nên không phải nguồn cung cấp nước cho HTTL. Theo đó người dân cần lưu ý sử dụng nguồn nước tại các vị trí còn lại DT15, DT18, DT21 để cấp nước cho SXNN.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH_4^+ tại các điểm giám sát từ 17÷23/4/2024, mg/l

Kí hiệu mẫu	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	max	min
Khu công trình đầu mối									
DT1	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14
DT2	0.11	0.11	0.12	0.14	0.14	0.13	0.12	0.14	0.11
DT3	0.14	0.15	0.18	0.18	0.17	0.16	0.16	0.18	0.14
DT4	0.15	0.14	0.14	0.13	0.14	0.14	0.15	0.15	0.13
DT5	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28
DT6	0.08	0.07	0.08	0.09	0.10	0.10	0.10	0.10	0.07
DT7	0.11	0.11	0.11	0.10	0.10	0.10	0.10	0.11	0.10
DT8	0.25	0.27	0.27	0.27	0.26	0.25	0.24	0.27	0.24
DT9	0.15	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14	0.15	0.14
Hệ thống kênh tưới									
DT10	0.06	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.06	0.04
DT11	0.20	0.19	0.18	0.18	0.18	0.18	0.18	0.20	0.18
DT12	0.25	0.26	0.25	0.26	0.27	0.28	0.28	0.28	0.25
DT13	0.47	0.39	0.35	0.34	0.34	0.36	0.39	0.47	0.34
DT14	0.19	0.19	0.18	0.18	0.18	0.18	0.18	0.19	0.18
DT15	1.93	1.57	1.21	1.04	1.17	1.31	1.60	1.93	1.04
DT16	0.76	0.73	0.70	0.68	0.65	0.66	0.64	0.76	0.64
DT17	0.36	0.35	0.35	0.36	0.37	0.38	0.38	0.38	0.35
Hệ thống kênh tiêu									
DT18	2.14	2.09	3.03	3.32	3.53	3.63	3.58	3.63	2.09
DT19	0.35	0.35	0.35	0.34	0.34	0.34	0.34	0.35	0.34
DT20	2.01	1.96	1.93	1.94	1.99	1.96	1.80	2.01	1.80
DT21	1.53	1.37	1.47	1.73	1.86	1.80	1.81	1.86	1.37
DT22	4.65	4.74	4.89	5.05	5.16	5.23	5.34	5.34	4.65
Khu vực đầy mặn trên sông									
DT23	0.58	0.58	0.58	0.56	0.54	0.52	0.52	0.58	0.52
DT24	0.59	0.59	0.58	0.56	0.54	0.53	0.54	0.59	0.53
QCVN 08 (Cột A1)	0,30								
QCVN 08 (Cột B1)	0,90								

Khuyến cáo: Kết quả dự báo 04 chỉ tiêu DO, BOD₅, NH₄⁺ và Mặn từ 17÷23/4/2024

+ Kết quả dự báo chỉ tiêu BOD₅ và NH₄⁺ và thường vượt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 tại một số vị trí như: kênh Vàm Trảng giáp Long An và Tây Ninh (DT15), và kênh Xáng giáp Long An và thành phố Hồ Chí Minh (DT18), rạch Tây Ninh (DT21) và sau đập phụ (DT22). Ngoài ra kết quả dự báo chỉ tiêu DO cũng thường vượt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 tại 2 vị trí DT21 và DT22. Do đó người dân lấy nước cấp cho nông nghiệp cần lưu ý xử lý trước khi cấp. Bên cạnh đó tùy vào tình hình thực tế tại mỗi khu vực thì người dân cũng như đơn vị quản lý chủ động nguồn nước cấp cho nông nghiệp cũng như đưa ra phương án vận hành công trình phù hợp. Tuy nhiên tại vị trí DT22 (sau đập phụ) đây là kênh tiếp nhận nguồn nước thải từ công ty TNHH Miwon Việt Nam (chế biến tinh bột sắn) nên cần xem xét yêu cầu chất lượng tiêu chuẩn đầu ra các chỉ tiêu được phê duyệt.

+ Kết quả dự báo Mặn ở mức 0‰, như vậy mặn chưa truyền tới trạm cấp nước Hòa Phú (sông Sài Gòn) và khu vực Gò Dầu (sông Vàm Cỏ Đông). Người dân yên tâm lấy nước cho các mục đích (sinh hoạt, nông nghiệp,), đảm bảo lấy nước sinh hoạt cho nhà máy nước Hòa Phú trên sông Sài Gòn. Tuy nhiên, người dân cũng như các cơ quan quản lý, công ty cấp nước không nên chủ quan mà cần thường xuyên theo dõi diễn biến xâm nhập mặn trong các ngày triều cường để chủ động các phương án vận hành (xả mặn) hồ Dầu Tiếng, ứng phó các trường hợp đột biến nếu cần thiết.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, Sở TNTM, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, tp HCM, Long An; Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng